TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1462/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-07-2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương,

2. Bà Trần Thị Tuyết Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 2647/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **LTHT**, sinh năm 1987,

Địa chỉ: 181 ấp P, xã S, huyện X, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông **TNTD**, sinh năm 1980 (Vắng mặt),

Địa chỉ: 114D đường T, phường K, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà LTHT trình bày*:

Bà và ông TNTD chung sống và tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2012, Quyển số 01/2012 ngày 31/8/2012 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, ông TNTD không thể hiện được trách nhiệm của người chồng, người cha đối với bà và các con. Từ tháng 8/2022 đến nay ông TNTD đã bỏ nhà đi không cho bà biết ông TNTD đang ở đâu, không quan tâm đến cuộc sống, tình hình học tập của các con. Bà nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà và ông TNTD đã trở nên trầm trọng, vợ chồng bà không còn sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu ly hôn ông TNTD.

Về con chung: Bà và ông TNTD có 02 con chung tên TTL, sinh ngày 07/10/2012 và TPL, sinh ngày 21/7/2016, trong đó trẻ TTL bị khuyết tật nghe nói thần kinh, trí tuệ, mức độ đặc biệt nặng. Bà là người trực tiếp chăm sóc 02 con chung từ lúc sinh ra cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; bà không yêu cầu ông TNTD cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông TNTD:*

Bị đơn ông TNTD đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/5/2023 nhưng ông TNTD không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông TNTD.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà LTHT khởi kiện bị đơn ông TNTD, thường trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn và đề nghị giao hai con chung cho bà LTHT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không yêu cầu ông TNTD cấp dưỡng nuôi con chung được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà LTHT yêu cầu ly hôn ông TNTD, giao con chung cho bà LTHT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà LTHT không yêu cầu ông TNTD cấp dưỡng nuôi con chung; bà LTHT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn bà LTHT khởi kiện yêu cầu ly hôn ông TNTD nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 38/2023/QĐ-CCTLCC ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an phường K, quận Bình Thạnh xác định: "*Đương sự TNTD, sinh 1980, có hộ khẩu thường trú tại 114D đường T, phường K, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế không cư ngụ tại địa phương đi đâu không rõ từ 12/2022 đến nay*". Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông TNTD là 114D đường T, phường K, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn bà LTHT có Đơn đề ngày 16/5/2023 đề nghị giải quyết vắng mặt với nội dung giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn ông TNTD nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà LTHT .

Xét bị đơn ông TNTD đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do và cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông TNTD.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2012, Quyển số 01/2012 ngày 31/8/2012 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông TNTD và bà LTHT là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà LTHT đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên,

bà LTHT vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông TNTD vì mâu thuẫn phát sinh từ lâu khiến tình cảm vợ chồng giữa bà và ông TNTD đã không còn.

Đối với bị đơn ông TNTD, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông TNTD thực hiện quyền tranh tụng, nhưng ông TNTD không tham gia cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của bà LTHT. Điều này cho thấy ông TNTD đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa bà LTHT và ông TNTD, không có ý định hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà LTHT và ông TNTD đã tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng bà LTHT ông TNTD không còn chung sống, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, và bà LTHT vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên hôn nhân giữa bà LTHT và ông TNTD không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu khởi kiện của bà LTHT về việc ly hôn ông TNTD có cơ sở để chấp nhận, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn bà LTHT trong quá trình giải quyết vụ án, bà LTHT và ông TNTD có 02 con chung tên TTL, sinh ngày 07/10/2012 và TPL, sinh ngày 21/07/2016, bà LTHT yêu cầu giao hai con chung cho bà LTHT trực tiếp nuôi dưỡng vì các con chung đang sống cùng bà LTHT và được bà LTHT chăm sóc từ lúc sinh ra cho đến giờ.

Theo Biên bản họp kết luận dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật ngày 04/12/2019, Hội đồng xác định mức độ khuyết tật - Ủy ban nhân dân phường K, quận Bình Thạnh kết luận trẻ TTL, sinh ngày 07/10/2012, khuyết tật nghe nói, thần kinh, trí tuệ ở mức độ đặc biệt nặng; đồng thời, trẻ TPL trình bày đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng sống cùng mẹ trong trường hợp ba mẹ ly hôn tại Biên bản làm việc ngày 16/5/2023. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và tình hình thực tế, quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của trẻ TPL, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai trẻ TTL và TPL cho bà LTHT là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Xét tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, việc bà LTHT không yêu cầu ông TNTD cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà LTHT.

[5] Về tài sản chung:

Xét không đương sự nào yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà LTHT phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 19, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà LTHT được ly hôn ông TNTD.

2. Về con chung:

2.1. Giao hai con chung tên TTL, sinh ngày 07/10/2012 và TPL, sinh ngày 21/07/2016 cho bà LTHT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà LTHT về việc không yêu cầu ông TNTD cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà LTHT phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0019094 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND phường K, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.